

# Nhu cầu và giải pháp nâng cao nhận thức về giới của cán bộ, giáo viên một số tỉnh miền núi phía bắc

Trần Ngọc Anh\*

## TÓM TẮT

Qua khảo sát, thăm dò các ý kiến về nhu cầu nâng cao nhận thức về giới; phương pháp bồi dưỡng kiến thức về giới; trang thiết bị đào tạo, bồi dưỡng; các kiến thức cần trang bị cho nữ cán bộ, giáo viên miền núi thuộc 5 tỉnh, thành địa bàn nghiên cứu, nhận thấy:

Phương thức đào tạo để nâng cao nhận thức về giới là lồng ghép kiến thức giới vào các môn học khác và bồi dưỡng kiến thức giới vào đợt sinh hoạt, học tập trong hè. Phương pháp bồi dưỡng kiến thức về giới: thảo luận nhóm, thông qua hội thảo, báo cáo chuyên đề. Nhận định của hai nhóm nam, nữ về trang thiết bị cần thiết để đào tạo, bồi dưỡng giới là máy chiếu, máy ghi hình, băng đĩa chiếm tỷ lệ cao.

Những kiến thức cần trang bị cho nữ cán bộ, giáo viên miền núi như: Luật hôn nhân và gia đình; dân số, kế hoạch hoá gia đình; Pháp lệnh Dân số; kiến thức về giới; phương pháp hoạt động nữ công; môi trường và sức khoẻ; chuẩn mực của người phụ nữ (PN); thiên chức của người PN; Chiến lược Quốc gia Vì sự tiến bộ của PN và kỹ năng lãnh đạo nữ là cần thiết (75 - 98%).

\* Từ khóa: Nhận thức giới; Nhu cầu; Giải pháp; Cán bộ, giáo viên.

## Needs and solution for increasing awareness of sex of officers and teachers in some mountainous provinces in the north

### SUMMARY

*By survey opinions about needs for increasing awareness of sex; methods for improving the knowledge of sex; equipments for training, improving; The needful knowledge must be trained for officers and teachers in mountainous region in 5 provinces. The results showed that:*

*The training modes for improving awareness of sex are combining with other subjects and cultivating knowledge of sex in activities, study in vacation. Methods for cultivating of sex are: discussing in group, work shop and reporting subject. Both of women and men groups had one judgment about equipment for training and improving. There must be some equipments: projectors, cameras, compact disks.*

*The necessary knowledge is had to equip women officers, teachers in mountainous areas, such as: law on marriage and family; population, birth-control; ordinances of population; knowledge of sex; methods of activities in domestic science; environment and health; standards and vocations of women; national strategy for advances of women and leading skill of women were very necessary.*

*\* Key words: Awareness of sex; Needs; Solution; Officers, teachers.*

---

\* Học viện Quân y

Phản biện khoa học: PGS. TS. Đoàn Huy Hậu

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, PN chiếm 50,8% dân số và 50,6% lực lượng lao động xã hội; đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp dựng nước,

giữ nước trước đây. Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới, PN đang sát cánh cùng nam giới phấn đấu vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Đảng và Nhà nước ta luôn có nhận thức đúng đắn và đánh giá cao vai trò của PN, đồng thời chủ trương giải phóng PN, thực hiện nam nữ bình đẳng gắn liền với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Chính phủ đã thể chế hoá chủ trương trên bằng hệ thống chế độ, chính sách bảo đảm quyền lợi cho PN trong mọi lĩnh vực. "Giới trong hoạch định và thực thi chính sách" được phổ biến rộng rãi và các báo cáo, nghiên cứu về giới ở Việt Nam ngày càng nhiều. Đặc biệt, qua chiến dịch truyền thông vì sự bình đẳng giới đã góp phần làm thay đổi cách nhìn nhận về giới ở Việt Nam, trong và sau chiến dịch người ta đã bàn nhiều về các vấn đề của PN. Từ thực tế trên, chúng tôi thực hiện đề tài này nhằm: *Tim hiểu nhu cầu và đưa ra giải pháp nâng cao nhận thức về giới của cán bộ, giáo viên miền núi.*

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Đối tượng nghiên cứu.

Nam, nữ cán bộ là lãnh đạo các sở, phòng giáo dục của các tỉnh, huyện; nam, nữ giáo viên công tác tại các trường học; nam, nữ nhân viên công tác tại các sở, phòng giáo dục, trường thuộc 5 tỉnh, thành phố (Thái Nguyên, Lào Cai, Hoà Bình, Bắc Kạn, Yên Bái).

### 2. Phương pháp nghiên cứu.

- Nghiên cứu cắt ngang, quan sát mô tả.
- Phỏng vấn các nhóm đối tượng tại các tỉnh, huyện thuộc địa bàn nghiên cứu theo bộ câu hỏi được chuẩn bị trước, bao gồm:

+ Cán bộ, giáo viên là lãnh đạo các sở giáo dục, phòng giáo dục.

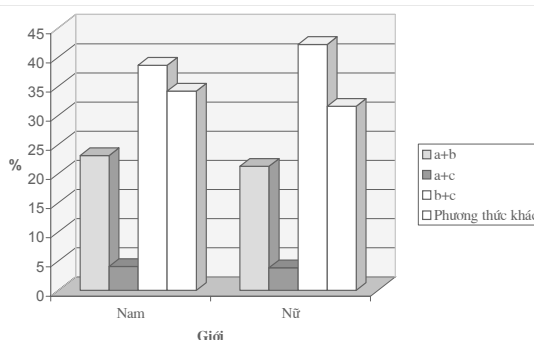
+ Cán bộ, giáo viên ở các trường học.

+ Nhân viên công tác ở các sở giáo dục, phòng giáo dục, trường học.

Xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS: tính tần suất, tỷ lệ %, so sánh các chỉ số nghiên cứu ở các nhóm đối tượng nam và nữ; lãnh đạo, giáo viên và nhân viên.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### 1. Nhu cầu nâng cao nhận thức về giới.



Biểu đồ 1: Phương thức đào tạo để nâng cao nhận thức về giới.

a: Có môn học riêng về kiến thức.

b: lồng ghép kiến thức giới vào các môn học khác.

c: Bồi dưỡng kiến thức giới vào đợt sinh hoạt, học tập hè.

Cả hai nhóm đều cho rằng phương thức đào tạo để nâng cao nhận thức về giới là lồng ghép kiến thức giới vào các môn học khác và bồi dưỡng kiến thức giới vào đợt sinh hoạt, học tập hè chiếm tỷ lệ cao hơn cả ở các nhóm nam, nữ, lãnh đạo, giáo viên (họ cho rằng lồng ghép như vậy sẽ sinh động và dễ tiếp thu hơn, vào dịp hè giáo viên mới có thời gian để tham gia học tập đầy đủ). Với nhân viên thì tỷ lệ này thấp

hơn ( $p < 0,05$ ) (cũng có thể nhân viên muốn du lịch).  
có thời gian nghỉ dài trong dịp hè để đi

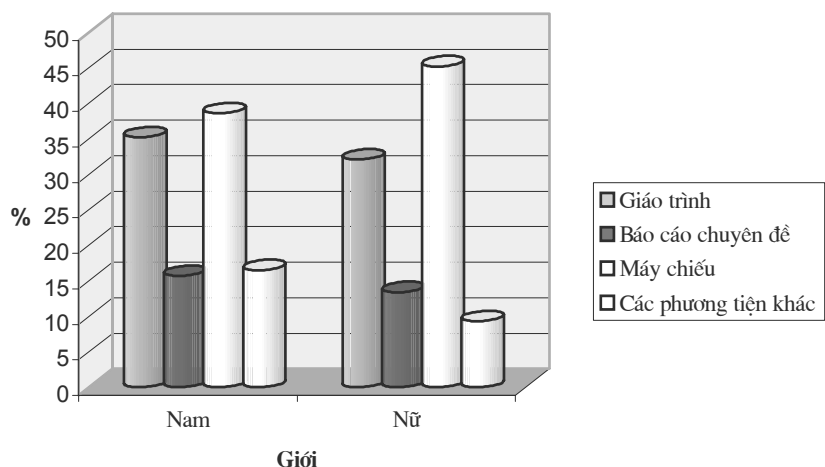
**Bảng 1:** Phương pháp bồi dưỡng kiến thức về giới phân theo giới.

CÁC PHƯƠNG PHÁP	NAM		NỮ		p
	n	%	n	%	
Thuyết trình, thảo luận nhóm	16	6,3	51	7,3	> 0,05
Thuyết trình, cùng tham gia	6	2,2	18	2,6	> 0,05
Thuyết trình, tự nghiên cứu	3	1,1	5	0,7	> 0,05
Thuyết trình, thông qua hội thảo, báo cáo chuyên đề	33	12,4	50	7,2	< 0,05
Thảo luận nhóm, cùng tham gia	33	12,4	85	12,2	> 0,05
Thảo luận nhóm, tự nghiên cứu	7	2,6	38	5,5	> 0,05
Thảo luận nhóm, thông qua hội thảo, báo cáo chuyên đề	58	21,7	151	21,7	> 0,05
Cùng tham gia, tự nghiên cứu	3	1,1	16	2,3	> 0,05
Cùng tham gia, thông qua hội thảo, báo cáo chuyên đề	33	12,4	92	13,2	> 0,05
Tự nghiên cứu, thông qua hội thảo, báo cáo chuyên đề	20	7,5	50	7,2	> 0,05
Phương pháp khác	55	20,3	139	20,1	

**Bảng 2:** Phương pháp bồi dưỡng kiến thức giới phân theo trình độ chuyên môn.

CÁC PHƯƠNG PHÁP	CHỨC VỤ CHUYÊN MÔN			p	
	Lãnh đạo (1) (n = 245)	Giáo viên (2) (n = 637)	Nhân viên (3) (n = 80)	p <sub>1-2</sub>	p <sub>1-3</sub>
Thuyết trình, thảo luận nhóm	18 (7,3%)	46 (7,2%)	6 (7,6%)	> 0,05	> 0,05
Thuyết trình, cùng tham gia	6 (2,4)	16 (2,52%)	2 (2,5%)	> 0,05	> 0,05
Thuyết trình, tự nghiên cứu	1 (0,4)	7 (1,1%)	0 (0%)	> 0,05	
Thuyết trình, thông qua hội thảo, báo cáo chuyên đề	37 (15,1)	41 (6,4%)	5 (6,3%)	< 0,05	< 0,05
Thảo luận nhóm, cùng tham gia	28 (11,4%)	79 (12,4%)	11 (13,8%)	> 0,05	> 0,05
Thảo luận nhóm, tự nghiên cứu	9 (3,7%)	31 (4,9%)	5 (6,3%)	> 0,05	> 0,05
Thảo luận nhóm, thông qua hội thảo, báo cáo chuyên đề	47 (19,2%)	144 (22,6%)	18 (22,5%)	> 0,05	> 0,05
Cùng tham gia, tự nghiên cứu	3 (1,2%)	14 (2,2%)	2 (2,5%)	> 0,05	> 0,05
Cùng tham gia, thông qua hội thảo, báo cáo chuyên đề	37 (15,1%)	78 (12,2%)	10 (12,5%)	> 0,05	> 0,05
Tự nghiên cứu, thông qua hội thảo, báo cáo chuyên đề	18 (7,3%)	49 (7,7%)	6 (7,6%)	> 0,05	> 0,05
Phương pháp khác	41 (16,7%)	132 (20,7%)	25 (31,2%)	> 0,05	> 0,05

Ở tất cả các nhóm nam, nữ, lãnh đạo, giáo viên, nhân viên đều cho rằng phương pháp bồi dưỡng kiến thức về giới: thảo luận nhóm, thông qua hội thảo, báo cáo chuyên đề chiếm tỷ lệ cao nhất so với các phương pháp khác. Qua đó cho thấy, cả PN và nhân viên đã có xu hướng tiếp cận với các phương thức truyền thông hiện đại và đề cao trí tuệ tập thể.



Biểu đồ 3: Trang thiết bị đào tạo, bồi dưỡng.

Nhận thức của hai nhóm nam, nữ về trang thiết bị cần thiết để đào tạo, bồi dưỡng giới là máy chiếu, máy ghi hình, băng đĩa chiếm tỷ lệ cao (khoảng 40%). Điều này cho thấy, xu thế muốn tiếp cận với những trang thiết bị tiên tiến, hiện đại ở kỷ nguyên bùng nổ thông tin là điều tất yếu của mọi người. Phương thức đào tạo, bồi dưỡng dưới dạng báo cáo chuyên đề có tỷ lệ thấp hơn hẳn ở nhóm nhân viên (có thể do hạn chế về trình độ nên khả năng tiếp thu dưới hình thức này ít hiệu quả).

## 2. Các kiến thức cần trang bị cho nữ cán bộ, giáo viên miền núi.

Bảng 3: Những kiến thức cần trang bị cho nữ cán bộ, giáo viên miền núi phân theo giới.

KIẾN THỨC CẦN TRANG BỊ	NAM		NỮ	
	Cần thiết (1)	Không cần thiết (2)	Cần thiết (3)	Không cần thiết (4)
Luật hôn nhân và gia đình	257 (96,3%)	10 (3,7%)	668 (98,1%)	27 (3,9%)
Dân số, kế hoạch hoá gia đình	256 (95,9%)	11 (4,1%)	642 (92,4%)	53 (7,6%)
Pháp lệnh Dân số	241 (90,3%)	26 (9,7%)	589 (84,7%)	106(15,3%)
Kiến thức về giới	252 (94,4%)	15(5,6%)	636 (91,5%)	59 (8,5%)
Phương pháp hoạt động nữ công	244 (91,4%)	23 (8,6%)	649 (93,4%)	46 (6,6%)
Môi trường và sức khoẻ	252 (94,4%)	15 (5,6%)	675 (97,1%)	20 (2,8%)
Chuẩn mực của người PN	250 93,6%)	17 (6,4%)	649 (93,4%)	46 (6,6%)
Thiên chức của người PN	236 (88,4%)	31 (11,6%)	624 (89,8%)	71 (10,2%)
Chiến lược Quốc gia vì sự tiến bộ của PN Việt Nam	237 (88,8%)	30 (11,2%)	617 (88,8%)	78 (11,2%)
Kỹ năng lãnh đạo nữ	202 (75,7%)	65 (24,3%)	574 (82,6%)	121 (17,4%)

*Bảng 4:* Những kiến thức cần trang bị cho nữ cán bộ, giáo viên miền núi phân theo trình độ.

KIẾN THỨC CẦN TRANG BỊ	CHỨC VỤ CHUYÊN MÔN		
	Lãnh đạo (1) (n = 245)	Giáo viên (2) (n = 637)	Nhân viên (3) (n = 80)
Luật hôn nhân và gia đình	236 (96,3%)	614 (96,4%)	75 (93,8%)
Dân số, kế hoạch hoá gia đình	231 (94,3%)	592 (92,9%)	75 (93,8%)
Pháp lệnh Dân số	223 (91%)	543 (85,2%)	64 (80,0%)
Kiến thức về giới	235 (95,9%)	584 (91,7%)	69 (86,3%)
Phương pháp hoạt động nữ công	235 (95,9%)	591 (92,8%)	67 (83,8%)
Môi trường và sức khoẻ	236 (96,3%)	617 (96,9%)	74 (92,5%)
Chuẩn mực của người PN	236 (96,3%)	596 (93,6%)	67 (83,3%)
Thiên chức của người PN	228 (93,1%)	566 (88,9%)	66 (82,5%)
Chiến lược Quốc gia vì sự tiến bộ của PN Việt Nam	224 (91,4%)	561 (88,1%)	69 (86,3%)
Kỹ năng lãnh đạo nữ	211 (86,1%)	502 (78,8%)	63 (78,8%)

Nhận thức những kiến thức cần trang bị cho nữ cán bộ, giáo viên miền núi là cần thiết ở cả hai nhóm nam, nữ chiếm tỷ lệ cao (75 - 98%). Nhưng kiến thức cần trang bị về pháp lệnh dân số, môi trường và sức khoẻ ở hai nhóm nam, nữ khác nhau có ý nghĩa thống kê. Có thể nữ giáo viên miền núi cho rằng họ đã hiểu và thấm nhuần chủ trương, chính sách kế hoạch hoá gia đình và thực hiện tốt hoặc bản thân họ là những giáo viên, là những người làm công việc trông người thì hơn ai hết họ hiểu rằng không những chỉ nuôi một con trẻ quan trọng, mà việc dạy dỗ để con trẻ trở thành người có ích cho xã hội còn quan trọng hơn nhiều.

## KẾT LUẬN

### 1. Nhu cầu nâng cao nhận thức về giới.

Phương thức đào tạo để nâng cao nhận thức về giới là lồng ghép kiến thức giới vào các môn học khác và bồi dưỡng kiến thức giới vào đợt sinh hoạt, học tập hè. Phương pháp bồi dưỡng kiến thức về giới chủ yếu là thảo luận nhóm, thông qua hội thảo, báo cáo chuyên đề. Nhận định của hai nhóm nam, nữ về trang thiết bị cần thiết để đào tạo, bồi dưỡng giới là máy chiếu, máy ghi hình, băng đĩa chiếm tỷ lệ cao (40%).

### 2. Giải pháp nâng cao nhận thức về giới.

Cần trang bị cho nữ cán bộ, giáo viên miền núi những kiến thức: Luật Hôn nhân và gia đình; dân số, kế hoạch hoá gia đình; Pháp lệnh Dân số; kiến thức về giới; phương pháp hoạt động nữ công; môi trường và sức khoẻ; chuẩn mực của người PN; thiên chức của người PN; Chiến lược Quốc gia vì sự tiến bộ của PN và kỹ năng lãnh đạo nữ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của PN Việt Nam. Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của PN Việt Nam đến năm 2005. Nhà xuất bản Phụ nữ.
2. Phạm Ngọc Anh và CS. Về đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo quản lý. Nghiên cứu và đào tạo giới. Viện khoa học xã hội Việt Nam, Viện gia đình và giới. 6 - 2004, số 19.
3. Barbara A.K. Franklin. Báo cáo nghiên cứu, phân tích đối tượng truyền thông và chiến dịch truyền thông vì sự bình đẳng giới. Mở rộng tầm nhìn. Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ của PN Việt Nam. Hà Nội. 3 - 2001.
4. Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ của PN Việt Nam. Văn kiện của khoá họp đặc biệt lần thứ 23 của Đại hội đồng "PN năm 2000: Bình đẳng giới, phát triển và hoà bình cho thế kỷ 21" và thành tựu của các quốc gia trên thế giới. Hà Nội. 9 - 2001.
5. Hội liên hiệp PN Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ, Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Hội thảo PN Việt Nam với kinh tế tri thức (kỹ yếu). Hà Nội. 2003.
6. Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ của PN Việt Nam. Chiến lược Quốc gia Vì sự tiến bộ của PN Việt Nam đến năm 2010. Nhà xuất bản Phụ nữ.